

Bản án số: 28/2019/HN-ST

Ngày: 21/5/2019

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ Mai gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chu

2. Ông Hồng Chí Danh

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HN ngày 21/01/2019 về việc “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐST - HN ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Bạch M, sinh năm 1997; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Công H(B), sinh năm 1995; Địa chỉ: ấp D, xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2019 trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch M trình bày:

Chị M và anh Lê Công H kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C vào ngày 27/10/2014. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, không có sự ép buộc. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hòa giải được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh H mê chơi, không

quan tâm đến kinh tế gia đình, vợ con. Mỗi khi chị M nói chuyện để khuyên ngăn thì vợ chồng xảy ra tranh cãi, bất hòa, anh H xúc phạm chị M, gia đình chị M, đôi khi còn hành hung chị M. Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Mỹ G, sinh ngày 09/4/2015. Thời gian sống ly thân, con do anh H nuôi dưỡng, anh H và chị M không có liên hệ để hàn gắn tình cảm cùng nhau. Chị M cho rằng tình cảm với anh H không còn, cuộc hôn nhân giữa chị và anh H nếu có duy trì cũng không hạnh phúc. Vì vậy chị M yêu cầu Tòa giải quyết được ly hôn với anh H.

Về con chung: tên Lê Thị Mỹ G, sinh ngày 09/4/2015 khi ly hôn chị M đồng ý để anh H nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh H.

Về tài sản chung: không có tranh chấp

Về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H tuy nhiên anh H không làm bản tự khai nộp cho tòa mà có đơn từ chối tham gia tố tụng, yêu cầu tòa xét xử vắng mặt anh H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/01/2019 của Tòa án, anh Lê Công H xác định: Về quá trình hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị Bạch M trước khi ly thân thì đúng như chị M trình bày. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn chỉ là những chuyện vặt vãnh trong gia đình, chị M cự cãi với anh H rồi về nhà mẹ ruột tại xã B sinh sống, đi làm và yêu cầu ly hôn cùng anh H. Anh H cho rằng ly hôn là điều anh không muốn nhưng chị M đã yêu cầu thì anh cũng đồng ý. Về con chung từ khi ly thân đến nay do anh nuôi dưỡng. Vì vậy anh yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 15/02/2019 của Tòa án tại xã E xác định được: hôn nhân của anh H và chị M được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Từ cuối năm 2018 thì giữa anh H và chị M không chung sống cùng nhau, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không nắm rõ. Từ 2019 đến nay con chung do anh H nuôi dưỡng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa; Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M, anh H đã tồn tại mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không thể hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để đảm bảo cho cuộc sống sinh hoạt của con chung đề nghị Tòa áp dụng các Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hưởng không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục: Anh Lê Công H được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng có đơn yêu cầu tòa giải quyết vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bạch M và anh Lê Công H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Bến Tre ngày 27 tháng 10 năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, từ tháng 9 năm 2018 chị M và anh H đã sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do đôi bên thiếu sự tin tưởng, yêu thương, thông cảm và chia sẻ khó khăn trong kinh tế và cuộc sống, mỗi người đều bảo thủ đối với quan điểm của mình từ đó dẫn đến việc gây cãi và ly thân cùng nhau. Thời gian sống ly thân hai bên không có thiện chí, biện pháp hàn gắn tình cảm. Khi biết chị M có đơn yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn cùng anh H, anh cũng không liên hệ hoặc đến tòa án gặp chị M yêu cầu hàn gắn, mà thể hiện ý kiến của anh là đồng ý ly hôn cùng chị M; Trường hợp tòa chấp nhận cho ly hôn thì anh H yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con (Biên bản lấy lời khai đương sự ngày 21/01/2019, Biên bản xác minh ngày 15/02/2019 của Tòa án). Như vậy, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng chị M và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Xét ý kiến của chị M và anh H về việc để con chung tên Lê Thị Mỹ G, sinh ngày 09/4/2015 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Mỹ G tròn 18 tuổi, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đây là sự tự nguyện của chị M, anh H đồng thời cũng đảm bảo được quyền lợi của con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bạch M phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bạch M ly hôn với anh Lê Công H.

2. Về con chung: Anh Lê Công H tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Mỹ G, sinh ngày 09/4/2015 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh H không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M có quyền thăm nom con chung. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bạch M phải nộp số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0022207 ngày 17/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi bị đơn cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Nhi